

BÁO CÁO
TÌNH HÌNH KINH TẾ - XÃ HỘI
QUÝ IV VÀ NĂM 2021

Năm 2021 là năm đầu thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XXII, tạo ra xung lực mới và khí thế mới cho việc thực hiện thắng lợi Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025. Ngay từ đầu năm, UBND tỉnh đã tập trung chỉ đạo triển khai thực hiện đồng bộ, quyết liệt, hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ đã đề ra, tập trung ưu tiên ở mức cao nhất cho công tác phòng chống dịch Covid-19, đảm bảo an sinh xã hội; vừa duy trì, phục hồi, phát triển kinh tế - xã hội. Theo số liệu Tổng cục Thống kê công bố, Tổng sản phẩm trên địa bàn ước tính năm 2021 tăng trên 5%¹. So với 17 chỉ tiêu theo Nghị quyết Hội đồng nhân dân tỉnh đề ra năm 2021, dự kiến đến cuối năm có 10 chỉ tiêu đạt và xấp xỉ đạt, 03 chỉ tiêu vượt kế hoạch, 04 chỉ tiêu chưa đạt. Sơ bộ đánh giá tình hình kinh tế - xã hội cả năm 2021 đạt được những kết quả quan trọng trên các lĩnh vực chủ yếu, như sau:

1. Tăng trưởng kinh tế

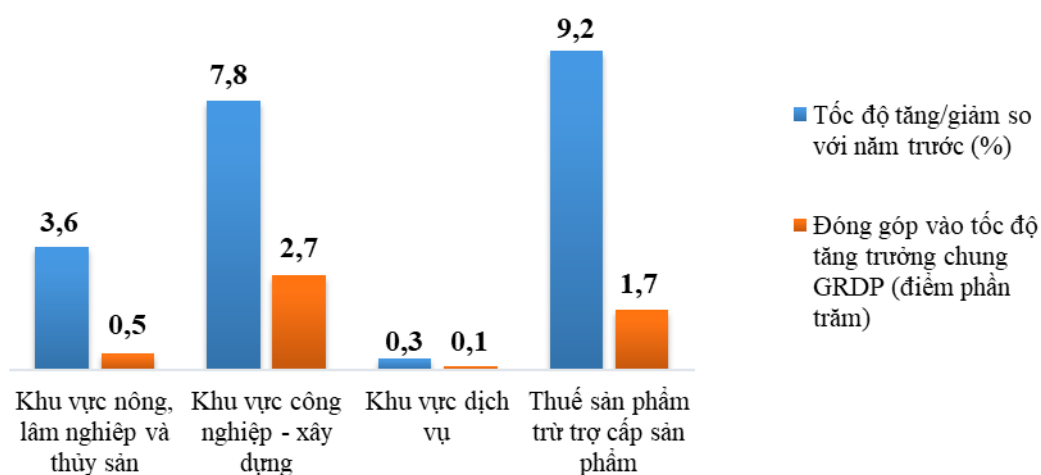
Tổng sản phẩm trên địa bàn ước tính cả năm 2021 (theo giá so sánh 2010) đạt gần 60,5 nghìn tỷ đồng, tăng trên 5% so với năm trước (6 tháng đầu năm 2021: +11,4%; 6 tháng cuối năm: -0,8%). Trong mức tăng trưởng chung của toàn nền kinh tế, khu vực nông lâm thủy sản tăng gần 3,6%, đóng góp gần 0,5 điểm phần trăm vào tốc độ tăng chung của toàn nền kinh tế; khu vực công nghiệp và xây dựng (+7,8%; đóng góp 2,7 điểm phần trăm); khu vực dịch vụ (+0,3%; đóng góp 0,1 điểm phần trăm); thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm (+9,2%; đóng góp 1,7 điểm phần trăm).

- Khu vực nông lâm thủy sản: sản lượng một số cây hàng năm, sản phẩm chăn nuôi chủ yếu và sản lượng tôm nuôi năm 2021 tăng khá đã đưa tốc độ tăng trưởng của khu vực này đạt 3,6%. Theo đó, VA ngành nông nghiệp tăng 3,5% so với năm trước; đóng góp gần 0,3 điểm phần trăm vào mức tăng trưởng chung của toàn nền kinh tế (năm 2020: +2,7%; đóng góp gần 0,2 điểm phần trăm); VA ngành thủy sản (+3,1%; đóng góp 0,12 điểm phần trăm vào mức tăng trưởng chung); ngành lâm nghiệp tăng 4,8% nhưng chiếm tỷ trọng thấp nên chỉ đóng góp gần 0,1 điểm phần trăm vào mức tăng trưởng chung.

¹ Tốc độ tăng trưởng GRDP do Tổng cục Thống kê công bố theo CV số 1796/TCTK-TKQG ngày 30/11/2021.

- Khu vực công nghiệp và xây dựng: VA ngành công nghiệp năm 2021 tăng trên 9% so với năm trước, đóng góp gần 2,6 điểm phần trăm vào tốc độ tăng trưởng chung toàn nền kinh tế (chủ yếu tăng cao ở 6 tháng đầu năm: +39,6%; 6 tháng cuối năm: -12,6%). Trong đó hoạt động công nghiệp chế biến, chế tạo (+5%; đóng góp 1,1 điểm phần trăm vào mức tăng trưởng chung) và sản xuất phân phối điện (+26,3%; đóng góp 1,5 điểm phần trăm) là hai ngành đóng vai trò chủ chốt dẫn dắt tăng trưởng của nền kinh tế; cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải (+14,2%; đóng góp 0,05 điểm phần trăm); khai khoáng (-13,2%; làm giảm 0,07 điểm phần trăm). Ngành xây dựng tăng gần 2,5% so với năm trước, đóng góp 0,17 điểm phần trăm vào mức tăng trưởng chung toàn nền kinh tế. So với cả năm 2019, VA ngành xây dựng vẫn còn giảm gần 3%, cho thấy hoạt động xây dựng năm 2021 vẫn chưa phục hồi.

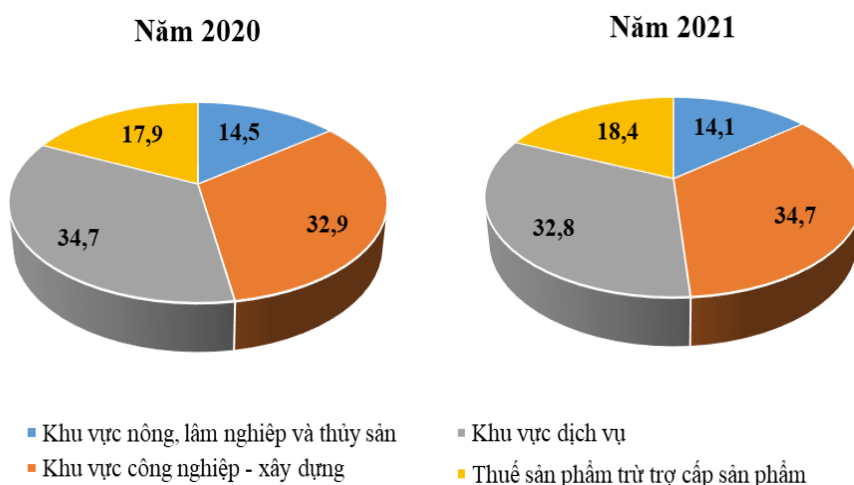
Tốc độ tăng/giảm và đóng góp của các khu vực kinh tế vào tăng trưởng GRDP năm 2021



- Khu vực dịch vụ chịu ảnh hưởng kéo dài nhất bởi dịch bệnh Covid-19, chưa phục hồi nhưng có dấu hiệu tăng trưởng trở lại; VA khu vực dịch vụ năm 2021 tăng trên 0,3% so với năm trước. Tuy nhiên, so với năm 2019 VA khu vực dịch vụ vẫn còn giảm 7,8%. Đóng góp của một số ngành dịch vụ có tỷ trọng lớn vào tốc độ tăng trưởng chung toàn nền kinh tế như: bán buôn, bán lẻ, sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác tăng 1,6% so với năm trước, đóng góp 0,1 điểm phần trăm; tài chính, ngân hàng và bảo hiểm (+7,6%; đóng góp 0,23 điểm phần trăm); giáo dục, đào tạo (+2,9%; đóng góp 0,12 điểm phần trăm); y tế (+10%; đóng góp 0,12 điểm phần trăm). Tăng trưởng âm của cả năm 2021 một số ngành dịch vụ chiếm tỷ trọng lớn đã làm giảm mức tăng trưởng chung của khu vực dịch vụ và toàn bộ nền kinh tế như: lưu trú và ăn uống giảm 13,7% so với năm trước, đã làm giảm 0,4 điểm phần trăm trong mức tăng trưởng chung; vận tải, kho bãi (-12,4%; giảm 0,3 điểm phần trăm); dịch vụ khác (-16,5%, giảm

0,13 điểm phần trăm); nghệ thuật vui chơi, giải trí (-3,9%; giảm 0,02 điểm phần trăm);...

Cơ cấu GRDP (%)



Quy mô nền kinh tế Quảng Nam ước tính năm 2021 đạt trên 102 nghìn tỷ đồng (giá hiện hành). Cơ cấu GRDP năm 2021, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm tỷ trọng 14,1%; khu vực công nghiệp - xây dựng chiếm 34,7%; khu vực dịch vụ chiếm 32,8%; thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm chiếm 18,4% (tương ứng năm 2020: 14,5%; 32,9%; 34,7%; 17,9%).

**** So sánh cả nước và các tỉnh, thành phố trong khu vực kinh tế trọng điểm miền Trung:***

- Tăng trưởng kinh tế: với mức tăng trên 5% so với năm 2020, Quảng Nam xếp vị thứ 31/63 tỉnh, thành phố trong cả nước về tốc độ tăng trưởng. So với các tỉnh trong khu vực, Quảng Nam có mức tăng trưởng thứ nhì sau Quảng Ngãi (+6,1%); Huế (+4,4%); Bình Định (+4,1%); Đà Nẵng (+0,2%). Đối với 1% lượng tăng, giảm tuyệt đối năm 2021: Quảng Nam đạt gần 576 tỷ đồng, đứng thứ 2 sau Đà Nẵng (639 tỷ đồng); Quảng Ngãi (499 tỷ đồng); Bình Định (497 tỷ đồng); Thừa Thiên Huế (320 tỷ đồng).

- Về quy mô GRDP: so với 63 tỉnh, thành phố trong cả nước, Quảng Nam xếp vị thứ 18/63 tỉnh, thành phố về quy mô GRDP. So với 5 tỉnh trong khu vực, Quảng Nam đứng thứ hai sau Đà Nẵng, cụ thể: quy mô GRDP Quảng Nam cao hơn 1,8 lần so với Thừa Thiên Huế (58,2 nghìn tỷ đồng); gấp gần 1,1 lần so với Quảng Ngãi (97,4 nghìn tỷ đồng); gấp 1,1 lần so với Bình Định (95,3 nghìn tỷ đồng); thấp hơn thành phố Đà Nẵng 2,4 nghìn tỷ đồng (Đà Nẵng: 105 nghìn tỷ đồng).

2. Tài chính, ngân hàng

Thực hiện dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2021 trong bối cảnh diễn biến phức tạp của đại dịch bệnh Covid-19, thời tiết thất thường, nắng hạn, bão lũ thường xuyên, cũng như những yếu tố bất lợi khác đã và đang tác động

đến sự tăng trưởng kinh tế, ổn định xã hội, làm giảm thu ngân sách nhà nước. Chi ngân sách luôn bám sát dự toán và tiến độ thu, giải quyết kịp thời các chế độ chính sách, chi hỗ trợ, thăm hỏi gia đình chính sách, người có công, đặc biệt hỗ trợ người dân gặp khó khăn do dịch Covid-19, khắc phục hậu quả thiên tai, lũ lụt...

Tổng thu ngân sách nhà nước từ đầu năm đến thời điểm 21/12/2021 đạt gần 20 nghìn tỷ đồng, đạt 102,8% dự toán năm, giảm 5,6% so với cùng kỳ năm trước; trong đó thu nội địa đạt 16,6 nghìn tỷ đồng (đạt 103,5 dự toán; -5,5%); thu cân đối ngân sách từ hoạt động xuất, nhập khẩu đạt trên 3,3 nghìn tỷ đồng (-6,2%). Trong thu nội địa, thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước 808 tỷ đồng (+8,2%); thu từ doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài gần 1,2 nghìn tỷ đồng (-21,3%); thu từ khu vực công, thương nghiệp ngoài quốc doanh trên 9,7 nghìn tỷ đồng (-10,4%)... Tổng chi ngân sách nhà nước từ đầu năm đến thời điểm 21/12/2021 đạt trên 20 nghìn tỷ đồng, giảm 0,3% so với cùng kỳ năm trước, trong đó chi thường xuyên đạt 12,5 nghìn tỷ đồng (-3%); chi đầu tư phát triển gần 7,7 nghìn tỷ đồng (+4,3%).

Năm 2021, các ngân hàng thương mại trên địa bàn tỉnh tiếp tục thực hiện các giải pháp hỗ trợ khách hàng gặp khó khăn do dịch Covid-19, đưa ra nhiều chương trình cho vay lãi suất ưu đãi, quy mô lớn phù hợp với từng đối tượng khách hàng. Đồng thời, nỗ lực huy động nguồn vốn tạm thời nhàn rỗi để đáp ứng nhu cầu tín dụng của người dân, doanh nghiệp, khôi phục hoạt động sản xuất trong tình hình mới.

Nguồn vốn huy động trên địa bàn ước đến cuối năm 2021 đạt gần 68,8 nghìn tỷ đồng, tăng 9,2% so với đầu năm (năm 2020: +13,4%). Trong đó, nguồn tiền gửi tiết kiệm dân cư đạt 51,7 nghìn tỷ đồng (+9,6%), tiền gửi tổ chức kinh tế đạt 16,6 nghìn tỷ đồng (+7,9%); nguồn phát hành kỳ phiếu (+17%) so với đầu năm. Tín dụng ngân hàng ước tính đến cuối năm 2021 đạt trên 87 nghìn tỷ đồng, tăng 9,9% so với cuối năm 2020, đạt 98,8% kế hoạch tăng trưởng năm 2021 theo chỉ tiêu đăng ký trong năm của các TCTD trên địa bàn, đây là mức tăng thấp nhất trong những năm trở lại đây. Dư nợ cho vay tại địa bàn nói chung và dư nợ doanh nghiệp nói riêng đạt kết quả tốt, dư nợ doanh nghiệp đạt 38,5 nghìn tỷ đồng, tăng 4% so với đầu năm. Các ngân hàng thương mại thực hiện cơ cấu lại thời hạn trả nợ cho khách hàng, ước đến cuối năm 2021, tổng nợ xấu trên địa bàn 525 tỷ đồng, giảm 23% so với đầu năm, chiếm tỷ trọng 0,6% tổng dư nợ (năm 2020: 0,86%).

Hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do dịch Covid-19 theo Nghị quyết 68/NQ-CP ngày 01/7/2021 và Quyết định 23/2021/QĐ-TTg ngày 07/7/2021. Đến nay, hệ thống Ngân hàng chính sách xã hội trên địa bàn tỉnh đã tiếp cận 3.595 doanh nghiệp/người sử dụng lao động để khảo sát nhu cầu vay vốn. Trong đó, có 13 doanh nghiệp/người sử dụng lao động đủ điều kiện vay vốn và có nhu cầu vay vốn đã được vay số tiền trên 1,7 tỷ đồng để trả lương cho 467 lao động bị ngừng việc và phục hồi sản xuất kinh

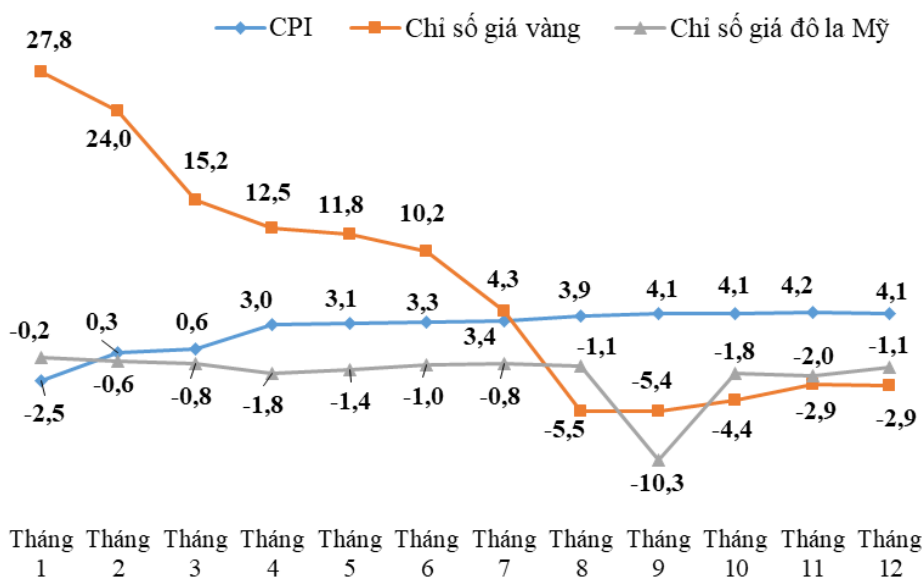
doanh. Đến nay, Ngân hàng CSXH tỉnh đã giải ngân trên 1,4 tỷ đồng cho 09 doanh nghiệp (05 doanh nghiệp vay vốn trả lương cho người lao động bị ngừng việc và 04 doanh nghiệp vay vốn phục hồi sản xuất kinh doanh).

3. Giá cả, lạm phát

Giá lương thực, thực phẩm tăng; giá các mặt hàng may mặc tăng theo nhu cầu vào các tháng cận Tết; giá đồ uống và thuốc lá tăng do nhu cầu tiêu dùng của người dân và chi phí vận chuyển tăng là những nguyên nhân chính làm chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 12/2021 tăng 0,09% so với tháng trước (trong đó khu vực thành thị tăng 0,15%; khu vực nông thôn tăng 0,07%). So với cùng kỳ năm trước CPI tăng 4,09%, CPI bình quân năm 2021 so với bình quân năm trước tăng 2,62% do ảnh hưởng bởi giá xăng dầu tăng².

So với tháng trước, trong 11 nhóm hàng hóa và dịch vụ chính có 6 nhóm tăng giá: hàng ăn và dịch vụ ăn uống (+0,85%); đồ uống và thuốc lá (+0,50%); may mặc, mũ nón, giày dép (+0,23%); thiết bị và đồ dùng gia đình (+0,07%); văn hóa, giải trí và du lịch (+0,03%); hàng hóa và dịch vụ khác (+0,09%). Có 2 nhóm giảm giá: nhà ở, điện nước, chất đốt và vật liệu xây dựng (-0,22%); giao thông (-2,16%). Riêng 3 nhóm thuốc và dịch vụ y tế; bưu chính viễn thông; giáo dục ổn định.

Tốc độ tăng/giảm chỉ số giá tiêu dùng, chỉ số giá vàng, chỉ số giá đô la Mỹ_% (Tháng báo cáo so với cùng kỳ năm trước)



Chỉ số giá vàng tháng 12/2021 giảm 0,49% so với tháng trước và tăng 6,48% so với bình quân cùng kỳ do ảnh hưởng biến động chung của giá vàng

² so với tháng 12/2020, giá xăng dầu tăng 18,38%; bình quân năm 2021 giá xăng dầu tăng 12,51% so với bình quân năm trước.

thể giới. Đồng đô la Mỹ trong tháng 12/2021 tăng 0,76% so với tháng trước và giảm 1,2% so với bình quân cùng kỳ. Tính bình quân giá 1 đô la Mỹ trong tháng quy đổi được 22.969 đồng Việt Nam.

4. Đầu tư và xây dựng

Năm 2021 là năm đầu tiên triển khai thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ thuộc kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025. Tuy nhiên, trong bối cảnh dịch Covid-19 diễn biến phức tạp, việc thực hiện kế hoạch đầu tư công năm 2021 bị ảnh hưởng đáng kể. Ngay từ đầu năm, UBND tỉnh đã có nhiều văn bản chỉ đạo nhiệm vụ, giải pháp về đẩy nhanh tiến độ thi công, thủ tục thực hiện các dự án, giải quyết các khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện để tăng giải ngân vốn đầu tư công năm 2021. Vốn đầu tư thực hiện trên địa bàn ước tính cả năm 2021 tăng 5,6% so với năm trước.

Vốn đầu tư thực hiện trên địa bàn tỉnh ước tính quý IV/2021 đạt gần 08 nghìn tỷ đồng; tăng 1,8% so với quý trước và giảm 9,4% so với cùng kỳ, trong đó vốn đầu tư thuộc nguồn vốn nhà nước quản lý thực hiện gần 2,2 nghìn tỷ đồng (+15,3%; -2,8%); nguồn vốn huy động từ khu vực ngoài nhà nước (bao gồm của các tổ chức, doanh nghiệp ngoài nhà nước và hộ dân cư) ước đạt gần 3,9 nghìn tỷ đồng (-15,3%; -1,1%) chủ yếu giảm do vốn đầu tư của hộ dân cư giảm (-32,4%; -27,2%); nguồn vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện gần 1,9 nghìn tỷ đồng (+41,7%; -27,5%). Phân theo khoản mục đầu tư, vốn đầu tư xây dựng cơ bản đạt gần 6,6 nghìn tỷ đồng, chiếm 83,3% tổng vốn; vốn đầu tư mua sắm tài sản cố định dùng cho sản xuất không qua xây dựng cơ bản đạt 657 tỷ đồng (chiếm 8,3%); vốn đầu tư sửa chữa lớn, nâng cấp tài sản cố định đạt 637 tỷ đồng (chiếm 0,2%); vốn đầu tư bổ sung vốn lưu động đạt 14 tỷ đồng (chiếm 0,2%) và vốn khác 6 tỷ đồng (chiếm 0,1%).

Ước tính năm 2021 vốn đầu tư thực hiện trên địa bàn tỉnh đạt trên 30 nghìn tỷ đồng, chiếm 29,6% GRDP và tăng 5,6% so với năm trước, trong đó vốn đầu tư thuộc nguồn vốn nhà nước quản lý ước thực hiện trên 7,3 nghìn tỷ đồng (-7%); nguồn vốn huy động từ khu vực ngoài nhà nước 16,6 nghìn tỷ đồng (+24,4%); nguồn vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài đạt gần 6,5 nghìn tỷ đồng (-14,5%). Phân theo khoản mục đầu tư, vốn đầu tư xây dựng cơ bản ước đạt trên 23,5 nghìn tỷ đồng, chiếm 77,5% tổng số vốn; vốn đầu tư mua sắm tài sản cố định dùng cho sản xuất không qua xây dựng cơ bản ước đạt gần 4,4 nghìn tỷ đồng (chiếm 14,5%); vốn đầu tư sửa chữa lớn, nâng cấp tài sản cố định ước đạt gần 1,7 nghìn tỷ đồng (chiếm 5,5%); vốn đầu tư bổ sung vốn lưu động ước đạt 682 tỷ đồng (chiếm 2,2%) và vốn khác 75 tỷ đồng (chiếm 0,2%).

*** Một số công trình trọng điểm trên địa bàn tỉnh:**

Do ảnh hưởng tiêu cực của dịch bệnh Covid-19, nguồn vốn bị thu hẹp nên chỉ có một số công trình khởi công mới như: Trung tâm Thể dục, thể thao Bắc

Quảng Nam (Thị xã Điện Bàn); khu đô thị Chợ Đầu mối Chiên Đàn (huyện Phú Ninh); dự án nâng cấp mở rộng đường xuống Làng Hương Trà (thành phố Tam Kỳ); tổ hợp du lịch nghỉ dưỡng sinh thái và trải nghiệm văn hóa Hoian d'or (thành phố Hội An); công viên Mẹ Thứ (thị xã Điện Bàn); khu dân cư thương mại Núi Rạng (huyện Duy Xuyên);... Bên cạnh đó, một số dự án chuyển tiếp có tổng mức đầu tư lớn trên địa bàn đang được đẩy nhanh tiến độ thực hiện trong kỳ: Cầu Hội Khách (huyện Đại Lộc); hồ chứa nước Lộc Đại (huyện Quế Sơn); cầu Thanh Nam (thành phố Hội An); chống xói lở khẩn cấp và bảo vệ bờ biển xã đảo Tam Hải (huyện Núi Thành); đường giao thông liên kết vùng Phước Thành - Trà My (huyện Phước Sơn); đường tránh lũ kết hợp phát triển Nam Phước (huyện Duy Xuyên); cầu Trà Linh (huyện Hiệp Đức); đường Quốc lộ 40B (đoạn từ đường vào tuyến cao tốc đến đường tránh thị trấn Tiên Kỳ),...

**** Tình hình giải ngân vốn ngân sách nhà nước:***

Công tác giải ngân vốn đầu tư công năm 2021 vẫn chưa đạt yêu cầu, thấp hơn so với năm trước và chưa được các ngành, địa phương tập trung và quyết tâm thực hiện. Tỷ lệ giải ngân chậm, dẫn đến phải cắt giảm, điều chỉnh kế hoạch vốn của các dự án giải ngân thấp, không có khả năng giải ngân hết trong năm 2021 sang các dự án có nhu cầu bổ sung vốn. Ngoài ra, nguồn vốn kéo dài năm 2020 sang năm 2021 hơn 02 nghìn tỷ đồng, đã ảnh hưởng đến công tác giải ngân kế hoạch vốn năm 2021. Theo số liệu Kho bạc Nhà nước tỉnh, tính đến ngày 30/11/2021, các dự án thuộc nguồn vốn ngân sách do địa phương quản lý đã giải ngân đạt 62,4% kế hoạch. Cụ thể: nguồn vốn đầu tư trong cân đối ngân sách địa phương (bao gồm cả vốn đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất, xổ số kiến thiết) đã giải ngân 66% kế hoạch, trong đó nguồn vốn cân đối ngân sách địa phương cấp tỉnh quản lý giải ngân đạt 70,7%; cấp huyện quản lý giải ngân đạt 61%; cấp xã quản lý giải ngân đạt 80,8%. Nguồn vốn đầu tư từ ngân sách trung ương giải ngân đạt 52,8%, trong đó vốn ngân sách trung ương đầu tư theo ngành lĩnh vực giải ngân đạt 47%.

**** Tình hình thu hút đầu tư:***

Từ đầu năm 2021 đến nay, tỉnh Quảng Nam đã cấp mới 37 dự án đầu tư trong nước với tổng số vốn đăng ký trên 05 nghìn tỷ đồng, so với cùng kỳ năm trước giảm 36% về số lượng và giảm 40% về vốn đăng ký. Một số dự án có quy mô lớn được cấp phép như: nhà máy sản xuất và lắp ráp ô tô du lịch cao cấp Thaco với tổng vốn 04 nghìn tỷ đồng; dự án đầu tư xây dựng trường đại học Phan Châu Trinh (254 tỷ đồng); dự án cung cấp nước nóng siêu nhiệt cho nhà máy Heniken Quảng Nam (25 tỷ đồng);... Trong năm 2021, đã điều chỉnh 44 dự án và chấm dứt hoạt động 10 dự án đầu tư, tổng số dự án còn hiệu lực trên địa bàn tỉnh hiện nay 913 dự án với tổng vốn đăng ký gần 236 nghìn tỷ đồng.

Đối với dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài, tính từ đầu năm đến nay đã cấp mới 07 dự án được cấp phép với tổng số vốn 15,2 triệu USD, so với cùng kỳ số dự án không tăng không giảm nhưng về vốn đăng ký lại giảm gần 23%; các nhà đầu tư đến từ các quốc gia Đức, Hoa Kỳ, Hồng Kông, Trung Quốc,... Trong số dự án cấp mới có 05 dự án ngành công nghiệp và 02 dự án ngành dịch vụ. Một số dự án có quy mô lớn như: dự án sản xuất nhựa dẻo, nhựa gia cố sợi thủy tinh, nhựa gia cố sợi carbon và công cụ phục vụ trong ngành công nghiệp ô tô và nội thất tại Khu công nghiệp Tam Thăng 2 với tổng vốn 7 triệu USD; dự án Nhà máy sản xuất đèn led trang trí, đèn tiết kiệm năng lượng tại Khu công nghiệp Thuận Yên với tổng vốn 02 triệu USD,...

Trong năm nay đã có 08 dự án thu hồi, chấm dứt hoạt động với số vốn 15,7 triệu USD bao gồm các dự án: nhà máy sản xuất, gia công lều, dụng cụ cắm trại, đồ chơi, túi xách và các sản phẩm dệt may khác (4 triệu USD); dự án tồn trữ đóng bình và phân phối khí hoá lỏng (3,5 triệu USD); dự án nhà máy sản xuất áo cưới, thời trang và bao bì nilon (3,3 triệu USD),... nguyên nhân chủ yếu do một số nhà đầu tư không có nhu cầu tiếp tục hoạt động nên quyết định chấm dứt dự án, bên cạnh đó một số doanh nghiệp gặp khó khăn về tình hình tài chính, hoạt động không hiệu quả và do ảnh hưởng của dịch Covid-19. Tổng số dự án FDI còn hiệu lực trên địa bàn tỉnh tính đến nay 193 dự án với tổng vốn đăng ký 5,8 tỷ USD, trong đó ngoài khu công nghiệp và khu kinh tế mở Chu Lai với 101 dự án; Ban quản lý khu kinh tế mở Chu Lai với 52 dự án; Ban quản lý các khu công nghiệp 40 dự án. Các lĩnh vực đầu tư chủ yếu tập trung ở ngành công nghiệp chế biến chế tạo, dịch vụ du lịch.

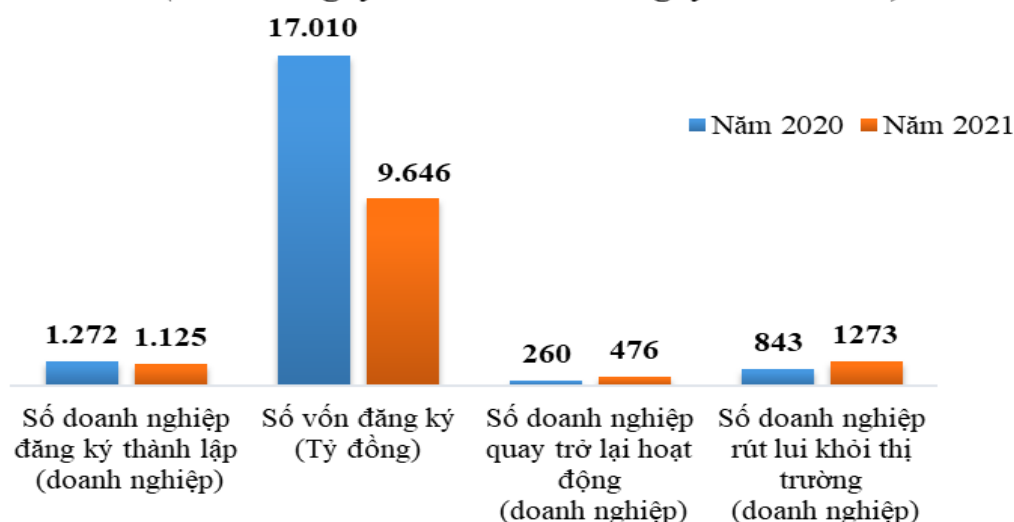
5. Tình hình hoạt động của doanh nghiệp

Hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp chịu ảnh hưởng bởi dịch bệnh Covid-19, do đứt gãy chuỗi cung ứng, chi phí hoạt động tăng cao, thiếu nguyên, nhiên vật liệu đầu vào, khó khăn về tài chính... Tính chung từ đầu năm đến nay, số doanh nghiệp đăng ký thành lập mới giảm gần 11,6% so với cùng kỳ năm trước; số doanh nghiệp rút lui khỏi thị trường tăng 51%; số doanh nghiệp quay trở lại hoạt động tăng 83% so với cùng kỳ năm trước.

Theo số liệu từ phòng Đăng ký kinh doanh, tính từ đầu năm đến ngày 21/12/2021: số lượng doanh nghiệp thành lập mới là 1.125 doanh nghiệp, giảm gần 11,6% so với cùng kỳ năm trước; vốn điều lệ đăng ký trong năm 2021 đạt trên 9,6 nghìn tỷ đồng (-43,3%). Số doanh nghiệp quay trở lại hoạt động trong năm 2021 là 476 doanh nghiệp, tăng 83% so với cùng kỳ năm 2020, nâng tổng số doanh nghiệp gia nhập và tái gia nhập thị trường trong năm 2021 là 1.601 doanh nghiệp, cho thấy những tín hiệu tích cực mặc dù chịu nhiều ảnh hưởng bởi dịch bệnh nhưng hầu hết các lĩnh vực đã có dấu hiệu phục hồi, nhiều doanh nghiệp đã tìm được hướng kinh doanh mới, đặc biệt là các ngành nghề liên quan tới du lịch, lĩnh vực có sự tác động rất lớn đến nhiều ngành nghề dịch vụ khác.

Số lượng doanh nghiệp rút lui khỏi thị trường tiếp tục tăng cao, thể hiện sự ảnh hưởng rất lớn và dai dẳng của dịch bệnh Covid-19 đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp cũng như sự thanh lọc mạnh mẽ đang diễn ra trong cộng đồng doanh nghiệp. Tính đến ngày 21/12/2021 có 1.273 doanh nghiệp rút lui khỏi thị trường, tăng 51% so với cùng kỳ năm trước, bao gồm: 723 doanh nghiệp đăng ký tạm ngừng kinh doanh có thời hạn (+40%); 347 doanh nghiệp thông báo chờ giải thể (+77%) và 203 doanh nghiệp hoàn tất thủ tục giải thể (+52%). Phần lớn các doanh nghiệp phải tạm ngừng kinh doanh và giải thể là những doanh nghiệp trẻ, quy mô nhỏ. Bên cạnh đó, nhiều doanh nghiệp vẫn chọn giải pháp tiếp tục chờ đợi, tạm ngừng hoạt động để nghe ngóng, xem xét diễn biến của thị trường, tìm kiếm những ý tưởng, hướng đi mới hoặc chờ đợi triển khai các chính sách hỗ trợ từ nhà nước, sau đó mới quyết định tiếp tục kinh doanh hay giải thể doanh nghiệp, chưa “đóng cửa” doanh nghiệp hoàn toàn ở thời điểm này.

Tình hình đăng ký hoạt động của doanh nghiệp
(Tính từ ngày 01/01/2021 đến ngày 21/12/2021)



Theo kết quả khảo sát dự báo xu hướng sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp ngành công nghiệp chế biến, chế tạo, trong quý IV/2021 xu hướng sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp vẫn còn gặp khó khăn do tình hình dịch bệnh Covid-19 bùng phát trên diện rộng, nhưng mức độ khó khăn đã giảm hơn so với quý III/2021, cụ thể: quý IV/2021 có 31,3% số doanh nghiệp được khảo sát đánh giá tốt hơn (quý II/2021: 22%; quý III: 12%); có 36,1% giữ ổn định (quý II: 42,7%; quý III: 32,5%) và có 33,7% số doanh nghiệp cho là khó khăn (quý II: 35,4%; quý III: 55,4%). Một số ngành tiếp tục dự báo sẽ khó khăn hơn như: sản xuất đồ uống (50%); dệt (50%); chế biến gỗ và sản xuất sản phẩm từ gỗ, tre, nứa (50%); sản xuất kim loại (50%); sản xuất xe có động cơ (42,9%); sản xuất giường, tủ, bàn ghế (100%). Tuy nhiên, một số ngành dự báo tình hình sản xuất tốt hơn như: ngành sản xuất hóa chất và sản phẩm hóa chất (100%); sản xuất

thuốc, hoá dược và dược liệu (100%); sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại khác (66,7%); sản xuất linh kiện điện tử (100%).

6. Sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản

Hoạt động sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản trong năm 2021 tương đối ổn định, ít chịu ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19, năng suất, chất lượng và hiệu quả cây trồng cao hơn so với năm trước; chăn nuôi gia súc gia cầm ổn định, dịch bệnh được kiểm soát; các chính sách hỗ trợ ngư dân vươn khơi bám biển được tiếp tục triển khai; công tác quản lý bảo vệ rừng, phòng cháy, chữa cháy rừng được tăng cường.

6.1. Sản xuất nông nghiệp

*** Trồng trọt:**

- Sản xuất lúa: diện tích gieo trồng lúa cả năm 2021 cả tỉnh đạt trên 82,6 nghìn ha, giảm 0,9 nghìn ha (-1%) so với năm trước; trong đó, lúa Đông Xuân đạt 41,5 nghìn ha (-0,4 nghìn ha); lúa Mùa đạt 41,1 nghìn ha (-0,5 nghìn ha). Năng suất lúa cả năm ước đạt 55,9 tạ/ha, cao hơn năm trước 1,75 tạ/ha, trong đó lúa Đông Xuân đạt 61,7 tạ/ha (+2,9 tạ/ha); lúa Mùa ước đạt 50 tạ/ha (+0,5 tạ/ha). Sản lượng lúa sơ bộ cả năm đạt gần 462 nghìn tấn (+2,1%; +9,7 nghìn tấn) so với năm 2020 (lúa Đông Xuân đạt 256,4 nghìn tấn, tăng 9,9 nghìn tấn; lúa Mùa ước đạt 205,5 nghìn tấn, giảm 0,2 nghìn tấn).

- Năm 2021, diện tích ngô gieo trồng đạt 11,7 nghìn ha (+1,5%; +176 ha); năng suất ước đạt 48,2 tạ/ha (-0,4 tạ/ha); sản lượng ước đạt 56,3 nghìn tấn (+0,8%; +427 tấn). Tổng sản lượng lương thực cây có hạt năm 2021 ước đạt 518,2 nghìn tấn (+2%; +10,1 nghìn tấn) so với năm 2020. Sản lượng các loại cây lấy củ có chất bột: sắn 160,9 nghìn tấn, giảm 13,1% so với năm 2020; khoai lang 16,4 nghìn tấn (-1,9%). Sản lượng các loại cây có hạt chứa dầu: đậu tương 139 tấn (-43%); cây lạc 23,8 nghìn tấn (+7,1%). Nhóm rau, đậu, hoa, cây cảnh: rau các loại 291,9 nghìn tấn (+2,3%); đậu các loại 10,3 nghìn tấn (-4%).

- Cây lâu năm: tổng diện tích gieo trồng năm 2021 ước đạt 23,6 nghìn ha, tăng 73 ha (+0,3%) so với năm 2020, cụ thể: cây ăn quả đạt 8,5 nghìn ha (+1,5%; +129 ha); cây công nghiệp 12,3 nghìn ha (-0,6; -74 ha), riêng cây cao su 10,8 nghìn ha (-0,8%; -85 ha); cây gia vị, dược liệu đạt gần 1,7 nghìn ha (+0,8%; +13 ha); cây lâu năm khác đạt 1,2 nghìn ha (+0,4%; +5 ha). Sản lượng một số cây công nghiệp lâu năm chủ yếu của tỉnh: cao su đạt gần 5,7 nghìn tấn (- 3,9%; -233 tấn); điều đạt 345 tấn (-1,4%; -5 tấn); hồ tiêu đạt 350 tấn (+4,4%; +15 tấn). Sản lượng một số cây ăn quả: chuối đạt 53 nghìn tấn (-2,6%; -1.410 tấn); xoài đạt 1,4 nghìn tấn (+4,9%; +66 tấn); dứa đạt 22 nghìn tấn (+1,4%; +299 tấn); cam đạt trên 1,1 nghìn tấn (+4,5%; +50 tấn); mít đạt 5,4 nghìn tấn (+5,2%; +269 tấn) so với năm trước.

*** Chăn nuôi:**

Chăn nuôi trâu có xu hướng giảm, chăn nuôi bò phát triển ổn định; dịch bệnh trên gia súc đang dần được kiểm soát. Ước tính tổng đàn trâu hiện nay đạt 58,4 nghìn con (-1,5%; -916 con) so với cùng thời điểm năm trước, đàn bò đạt 173,2 nghìn con (+0,5%; +872 con). Chăn nuôi lợn tiếp tục trên đà phục hồi, ước đạt 326,8 nghìn con (+9,8%; +29 nghìn con) so với cùng thời điểm năm 2020. Chăn nuôi gia cầm không có dịch bệnh lớn xảy ra, thị trường tiêu thụ ổn định, người chăn nuôi yên tâm mở rộng quy mô tổng đàn. Tổng đàn gia cầm ước đạt trên 8,3 triệu con (+2,1%; +173 nghìn con) so với cùng thời điểm năm trước, trong đó đàn gà có 6,6 triệu con (+1,7%; +109 nghìn con).

Sản lượng thịt hơi các loại năm 2021 ước đạt gần 55,6 nghìn tấn, cao hơn năm trước 2,4 nghìn tấn; trong đó sản lượng thịt trâu đạt gần 2,1 nghìn tấn (-2,1%; -43 tấn); sản lượng thịt bò đạt trên 11 nghìn tấn (-0,5%; -52 tấn); sản lượng thịt lợn đạt trên 24,9 nghìn tấn (+6,5%; +1.522 tấn); sản lượng thịt gia cầm đạt gần 17,6 nghìn tấn (+6,1%; +1.013 tấn). Sản lượng trứng gia cầm đạt trên 218,2 triệu quả (+2,6%; +5,5 triệu quả) so với năm trước.

Tình hình dịch bệnh trên đàn gia súc, gia cầm tính đến ngày 17/12/2021: Toàn tỉnh có 165 xã ở 16 huyện, thị xã, thành phố³ có lợn mắc bệnh dịch tả lợn Châu Phi; số lợn mắc bệnh chết tiêu hủy 45,3 nghìn con, trong đó có gần 12,8 nghìn con lợn nái sinh sản; trọng lượng tiêu hủy trên 2,8 nghìn tấn. Tổng số trâu bò mắc bệnh viêm da nổi cục trên 5,8 nghìn con (trong đó có 12 con trâu, 5,8 nghìn con bò); số con mắc bệnh chết tiêu hủy 800 con, trọng lượng tiêu hủy 102,5 tấn. Từ ngày 07-11/12/2021, bệnh Cúm A/H5N8 phát sinh trên đàn gà tại 01 hộ ở thôn Long Sơn, xã Trà Sơn, huyện Bắc Trà My; tổng số gà đã tiêu hủy là 800 con. Người chăn nuôi cần phải thường xuyên theo dõi tình hình dịch bệnh để có những biện pháp chăm sóc, phòng ngừa, xử lý nhanh chóng khi phát sinh dịch, tránh nguy cơ lây lan trên diện rộng.

6.2. Lâm nghiệp

Công tác phát triển rừng tiếp tục được các cấp các ngành có liên quan tâm chỉ đạo thực hiện, đẩy mạnh trồng, chăm sóc, khoanh nuôi tái sinh rừng và nâng cao chất lượng rừng trồng. Tiếp tục hoàn thiện, thực thi hiệu quả chính sách về chi trả dịch vụ môi trường rừng, thúc đẩy phát triển kinh tế rừng, tạo điều kiện đẩy mạnh xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ; triển khai kế hoạch phát triển trồng rừng gỗ lớn, thâm canh rừng; thực hiện có hiệu quả đề án trồng 1 tỷ cây xanh. Sơ bộ tổng diện tích rừng trồng mới tập trung trong năm 2021 đạt trên 20,6 nghìn ha (+3,1%; +629 ha) so với năm 2020; số cây lâm nghiệp trồng phân tán đạt gần 8,3 triệu cây (+2,7%; +216 nghìn cây); sản lượng gỗ khai thác trong năm ước đạt trên 1.526 nghìn m³ (+5,3%; +76,4 nghìn m³); sản lượng củi khai thác đạt 470,5 nghìn ste (-0,2%; -1 nghìn ste).

³ Quế Sơn, Thăng Bình, Hiệp Đức, Đại Lộc, Phú Ninh, Nông Sơn, Phước Sơn, Bắc Trà My, Tam Kỳ, Duy Xuyên, Điện Bàn, Nam Giang, Tiên Phước, Núi Thành, Nam Trà My, Đông Giang.

Do thời tiết nắng nóng kéo dài và việc sử dụng lửa bất cẩn của người dân nên từ đầu năm đến nay trên địa bàn tỉnh đã xảy ra 86 vụ cháy tại 14 huyện, thành phố⁴ với diện tích rừng bị cháy là 836 ha, trong đó rừng sản xuất 166,5 ha, rừng phòng hộ 82,5 ha; so với cùng kỳ năm 2020 số vụ cháy tăng gấp 7,2 lần, diện tích rừng bị cháy tăng gấp 10,7 lần. Trong năm 2021, ngành chức năng đã tổ chức các đợt kiểm tra truy quét tại rừng, xử lý 39 vụ phá rừng gây thiệt hại 17,7 ha, giảm 93 vụ, giảm 70,2 ha so với năm 2020.

6.3. Thủy sản

Hoạt động thủy sản có nhiều thuận lợi ở những tháng đầu năm, các tháng cuối năm với diễn biến thời tiết bất thường: mưa, bão, lũ lụt đã tác động tiêu cực đến hoạt động khai thác và nuôi trồng thủy sản. Tổng sản lượng thủy sản năm 2021 ước đạt trên 127 nghìn tấn, tăng 2% (+2,47 nghìn tấn) so với năm 2020. Trong đó, ước tính sản lượng cá đạt 81,5 nghìn tấn (+0,8%); sản lượng tôm ước đạt 19,2 nghìn tấn (+6,7%) và 26,4 nghìn tấn thủy sản khác (+2,2%). Sản lượng thủy sản khai thác chiếm gần 77% trong tổng sản lượng, còn lại 23% là sản lượng thủy sản nuôi trồng.

*** Khai thác thủy sản:**

Hoạt động khai thác thủy sản năm 2021 phát triển tương đối ổn định, nhờ thực hiện hiệu quả các chính sách hỗ trợ ngư dân của Chính phủ; dịch vụ hậu cần nghề cá, tổ hợp tác khai thác thủy sản trên biển phát triển; nhu cầu tiêu dùng các mặt hàng thủy sản tăng cao, đã tạo động lực cho ngư dân ra khơi bám biển, nhất là khai thác, đánh bắt xa bờ. Đóng góp đáng kể vào phát triển kinh tế xã hội của tỉnh, bảo vệ an ninh quốc phòng, góp phần bảo vệ chủ quyền biển, đảo của Tổ quốc.

Sản lượng khai thác thủy sản năm 2021 ước đạt 97,5 nghìn tấn (+1,1%; +1,1 nghìn tấn) so với năm 2020, trong đó sản lượng cá đạt trên 66,2 nghìn tấn (+0,6%); sản lượng tôm đạt 674 tấn (-0,1%); thủy sản khác ước đạt gần 23,4 nghìn tấn (+2,4%). Hiệu quả của khai thác xa bờ trong những năm gần đây được nâng cao; các loài cá có giá trị kinh tế cao: cá hổ, cá thu, cá ngừ... tăng khá trên 10%, đã góp phần đáng kể về sản lượng và giá trị sản phẩm tạo ra của ngành thủy sản.

*** Nuôi trồng thủy sản:**

Tổng diện tích nuôi trồng thủy sản năm 2021 ước đạt trên 8,5 nghìn ha, giảm 53 ha so với năm trước, trong đó nuôi cá trên 5 nghìn ha (-2%; -106 ha); nuôi tôm đạt gần 3,1 nghìn ha (+0,9%; +58 ha). Sản lượng thủy sản nuôi trồng ước đạt gần 29,6 nghìn tấn (+5,1%; +1,4 nghìn tấn) so với năm 2020, trong đó sản lượng tôm nuôi đạt khá trên 18 nghìn tấn (+7,1%; +1,2 nghìn tấn); sản lượng cá đạt 10,4 nghìn tấn (+2,2%; +225 tấn) và thủy sản khác đạt gần 1,1 nghìn tấn

⁴ Phú Ninh, Đông Giang, Đại Lộc, Duy Xuyên, Hiệp Đức, Nông Sơn, Núi Thành, Bắc Trà My, Nam Giang, TP Tam Kỳ, Tiên Phước, Phước Sơn, Quế Sơn, Thăng Bình.

(-0,6%; -6 tấn). Sản lượng thủy sản nuôi trồng năm 2021 tăng chủ yếu ở tôm nuôi do thời tiết thuận lợi, nguồn nước ít ô nhiễm; nhiều mô hình nuôi tôm nước lợ vùng triều tại các huyện Núi Thành, Tam Kỳ, Thăng Bình... được đầu tư bài bản, quy mô lớn đã mang hiệu quả kinh tế cao.

Tính đến nay, toàn tỉnh có 41 cơ sở sản xuất, kinh doanh giống gồm: 02 cơ sở sản xuất giống cá nước ngọt; 36 cơ sở sản xuất tôm sú và ương nuôi giống tôm thẻ; 03 công ty sản xuất giống thủy sản nước mặn lợ tại hạ tầng Khu sản xuất và kiểm định giống thủy sản tại Bình Nam (huyện Thăng Bình). Các trại sản xuất giống năm 2021 đã cung cấp cho thị trường trên 14 triệu con cá giống, 314 triệu tôm giống. Số lượng cá giống giảm 3%; tôm giống tăng 42,7% chủ yếu do Công ty TNHH Nam Mỹ đang đi vào sản xuất giống bố mẹ đã chuyển về và đang cung cấp giống Postlarvae cho thị trường từ tháng 7/2021 đến nay.

6.4. Nông thôn mới

Kết quả thực hiện các tiêu chí nông thôn mới tính đến ngày 30/9/2021: theo báo cáo của văn phòng điều phối nông thôn mới (NTM) tỉnh Quảng Nam, toàn tỉnh có 113/194 xã⁵ được công nhận đạt chuẩn NTM, đạt tỷ lệ 58% tổng số xã. Phấn đấu đến cuối năm 2021, có thêm 05 xã đạt chuẩn NTM, nâng tổng số xã đạt chuẩn NTM lên 118 xã đạt chuẩn NTM, đạt tỷ lệ 60,8%. Đến nay, bình quân chung số tiêu chí NTM đạt chuẩn của toàn tỉnh (194 xã) là 15,92 tiêu chí/xã (tăng 0,37 tiêu chí/xã so với năm 2019, tăng 4,13 tiêu chí/xã so với năm 2015 và tăng 13,02 tiêu chí/xã so với năm 2010); đến cuối năm 2021, phấn đấu đạt trên 16 tiêu chí/xã.

Kết quả thực hiện một số tiêu chí nâng cao của Chương trình NTM (xã NTM nâng cao, xã NTM kiểu mẫu): 06 xã đạt chuẩn NTM nâng cao (Đại Hiệp, Duy Trinh, Duy Phước, Duy Hòa, Cẩm Thanh, Quế Phú). Dự kiến đến cuối năm 2021, có thêm 04 xã đạt chuẩn NTM nâng cao, nâng tổng số xã NTM nâng cao lên 10 xã. Xã NTM kiểu mẫu: 01 xã (Đại Hiệp, Đại Lộc) đạt chuẩn năm 2020.

Mục tiêu phấn đấu năm 2022: có thêm 07 xã đạt chuẩn NTM, nâng tổng số xã đạt chuẩn NTM lên 125 xã, đạt tỷ lệ 64,4%. Có thêm ít nhất 02 xã NTM nâng cao, nâng tổng số xã NTM nâng cao lên ít nhất 12 xã, đạt tỷ lệ 10% trong số xã đạt chuẩn NTM. Duy trì 01 xã NTM kiểu mẫu. Bình quân chung số tiêu chí NTM đạt chuẩn của toàn tỉnh (194 xã) từ 16,7 tiêu chí/xã trở lên. Có thêm 20 thôn đạt chuẩn thôn NTM kiểu mẫu. Các xã đã đạt chuẩn NTM tiếp tục duy trì và nâng cao chất lượng các tiêu chí theo Bộ tiêu chí NTM giai đoạn 2021-2025.

7. Sản xuất công nghiệp

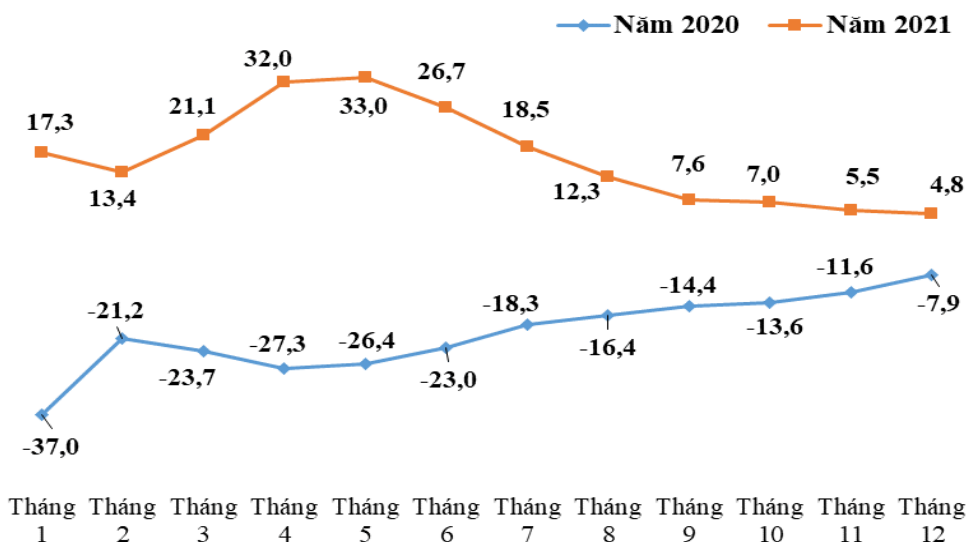
⁵ Không tính 5 xã của thị xã Điện Bàn lên phường, 2 xã của huyện Duy Xuyên và 1 xã của huyện Thăng Bình xây dựng đô thị; xã Tam Hiệp của huyện Núi Thành quy hoạch phát triển công nghiệp. Vì vậy, kể từ năm 2021, toàn tỉnh còn 194 xã triển khai thực hiện Chương trình NTM.

Tình hình sản xuất công nghiệp trên địa bàn tỉnh trong những tháng đầu năm 2021 đã có dấu hiệu khởi sắc sau thời gian dài chịu ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19 và dần thích nghi với trạng thái “bình thường mới” để phát triển sản xuất (IIP công nghiệp 6 tháng đầu năm: +26,7% so với cùng kỳ năm trước). Tuy nhiên, dịch Covid-19 diễn biến hết sức phức tạp vào cuối tháng 7 đến nay, vì vậy, các doanh nghiệp hoạt động công nghiệp gặp nhiều khó khăn; chỉ số sản xuất công nghiệp quý III và quý IV năm 2021 giảm lần lượt 23,3% và 1,4% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung cả năm 2021, chỉ số sản xuất công nghiệp chỉ tăng gần 4,8% so với năm 2020.

7.1. Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP)

Ước tính quý IV/2021, IIP toàn ngành công nghiệp tăng 54,2% so với quý trước nhưng vẫn còn giảm 1,4% so với cùng kỳ, quý này IIP tiếp tục giảm nhưng chỉ số giảm ít hơn quý III (quý I: +21,1%; quý II: +32,2%; quý III: -23%), trong đó ngành khai khoáng giảm 7,9% so với cùng kỳ năm trước (quý I: -22%; quý II: +2,3%; quý III: -1,6%); ngành chế biến, chế tạo giảm 1,4% (quý I: +15,6%; quý II: +33%; quý III: -25%); ngành sản xuất và phân phối điện giảm 2,2% (quý I: +148% ; quý II: +34%; quý III: -8,7%); cung cấp nước và xử lý rác thải tăng 9,9% (quý I: +9,3%; quý II: +24%; quý III: +13,2%). Tính chung cả năm 2021, IIP toàn ngành công nghiệp tăng gần 4,8% so, trong đó công nghiệp khai khoáng (-7,9%); công nghiệp chế biến, chế tạo (+3,4%); sản xuất và phân phối điện (+19,3%); cung cấp nước và xử lý rác thải (+13,9%).

Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP)_%
(Cộng dồn đến tháng báo cáo)



Một số ngành công nghiệp có IIP năm 2021 tăng cao so với năm trước như: sản xuất chế biến thực phẩm (+10%); dệt (+32%); sản xuất đồ uống (+15,4%); sản xuất da và các sản phẩm có liên quan (+13,7%); chế biến gỗ và sản xuất sản phẩm từ gỗ, tre, nứa (+11,2%); sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic (+13,1%); sản xuất hóa chất và sản phẩm hóa chất (+24,4%); sản xuất

sản phẩm điện tử (+7,5); sản xuất xe có động cơ (+3,3%). Bên cạnh đó, một số ngành công nghiệp có IIP giảm sâu như: khai khoáng khác (-10,5%); sản xuất trang phục (-18,3%); in, sao chép bản ghi các loại (-8,6%); sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại khác (-11,5%); sản xuất kim loại (-60%);...

7.2. Sản phẩm chủ yếu ngành công nghiệp

Quý IV/2021, một số sản phẩm công nghiệp có sản lượng tăng cao so với cùng kỳ năm trước: đá xây dựng khác (80 nghìn m³; +40,9%); thức ăn cho thủy sản (24,5 nghìn tấn; +13,8%); nước ngọt (49 triệu lít; +14%); bộ com-lê, quần áo đồng bộ, áo jacket, quần dài, quần yếm, quần soóc cho người lớn không dệt kim hoặc đan móc (18,7 triệu sản phẩm; +20%); ván ép từ gỗ và các vật liệu tương tự (1,5 nghìn m³; +37%); bao bì và túi bằng giấy trừ giấy nhẵn (20,4 triệu sản phẩm; +15,8%); ô tô tải (6,7 nghìn chiếc; +33%);... Một số sản phẩm có sản lượng giảm so với cùng kỳ: than đá loại khác (19,6 nghìn tấn; -38%); cát trắng (417 m³; -44%); thủy sản ướp đông khác (397 tấn; -15%); vỏ bào, dăm gỗ (202,9 nghìn tấn; -15%); ô tô du lịch (19,7 nghìn chiếc; -27%);...

Một số sản phẩm công nghiệp năm 2021 có sản lượng tăng khá: thức ăn cho gia súc (34 nghìn tấn; +15,4%); thức ăn cho thủy sản (120 nghìn tấn; +10,8%); nước ngọt (215 triệu lít; +15,6%); bao và túi dùng để đóng, gói hàng từ dây (77,4 triệu sản phẩm; +32%); quần áo nghề nghiệp (3,7 triệu sản phẩm; +12,4%); giày, dép thể thao có mũ bằng da và đế ngoài (02 triệu đôi; +16,8%); điện sản xuất (4,4 tỷ Kwh; +21%); ô tô các loại (82,8 nghìn chiếc; +2,4%);... Bên cạnh đó, một số sản phẩm có sản lượng giảm so với năm trước: đá xây dựng khác (323 nghìn m³; -12,3%); cát trắng (2,6 nghìn m³; -10,5%); bia đóng chai (78,6 triệu lít; -9,9%); bộ com-lê, quần áo đồng bộ, áo jacket, quần dài, quần yếm, quần soóc cho người lớn không dệt kim hoặc đan móc (61,9 triệu sản phẩm; -19,7%);...

7.3. Chỉ số tiêu thụ và tồn kho ngành công nghiệp chế biến, chế tạo

Chỉ số tiêu thụ toàn ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tháng 12/2021 giảm 15,1% so với tháng trước và giảm 16,1% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung cả năm 2021, chỉ số tiêu thụ toàn ngành công nghiệp chế biến, chế tạo ước tính tăng 6,6% so với năm trước, trong đó một số ngành có chỉ số tiêu thụ tăng như: thức ăn cho gia súc, gia cầm và thủy sản (+10,7%); nước ngọt (+6,7%); sản xuất hàng may sẵn (+32%); sản xuất giày dép (+3,8%); cửa, xẻ gỗ (+11,6%); sản xuất plastic và cao su hỗn hợp dạng nguyên sinh (+36%); sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu (+39%); sản xuất giường, tủ, bàn, ghế (+6,2%); sản xuất xe có động cơ (+0,5%);... Một số ngành có chỉ số tiêu thụ giảm: sản xuất vải dệt thoi (-14,2%); may trang phục (-16,4%); in ấn (-9%); sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét (-10,9%); sản xuất khác chưa được phân vào đâu (-32%);...

Do ảnh hưởng của dịch Covid-19 đã làm cho khâu tiêu thụ sản phẩm bị hạn chế, nhiều doanh nghiệp sản xuất hàng xuất khẩu nhưng chưa xuất được

hàng và lượng tồn kho chuẩn bị tiêu thụ trong dịp Tết là những tác nhân quan trọng làm cho chỉ số tồn kho tăng cao. Chỉ số tồn kho toàn ngành công nghiệp chế biến, chế tạo ước tính tại thời điểm 31/12/2021 tăng 0,93% so với cùng thời điểm năm trước, trong đó một số ngành có chỉ số tồn kho tăng cao như: sản xuất đồ uống không cồn (+141%); sản xuất bột giấy, giấy và bìa (+22%); sản xuất giấy nhãn, bìa nhãn, bao bì từ giấy và bìa (+52,8%); sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh (+51%); sản xuất xe có động cơ (+7,5%). Một số ngành có chỉ số tồn kho giảm so với cùng thời điểm năm trước: chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản (-16,8%); sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản (-38%); may trang phục (-35%); cửa, xe, bảo gỗ và bảo quản gỗ (-17,6%); sản xuất các cấu kiện kim loại (-37%); sản xuất giày dép (-92%);...

7.4. Chỉ số sử dụng lao động

Chỉ số sử dụng lao động đang làm việc trong các doanh nghiệp công nghiệp ước tính tại thời điểm 31/12/2021 tăng nhẹ 0,6% so với cùng thời điểm năm trước, trong đó khu vực doanh nghiệp ngoài nhà nước (+1,4%), khu vực doanh nghiệp nhà nước (+0,5%) và khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài tăng không đáng kể (+0,2%). Tại thời điểm trên, chỉ số sử dụng lao động trong các doanh nghiệp ngành khai khoáng (-0,8%); chế biến, chế tạo (+0,8%); sản xuất và phân phối điện (-0,4%); cung cấp nước, xử lý rác thải, nước thải (-1,1%). Nguyên nhân chủ yếu làm cho chỉ số sử dụng lao động chung của các doanh nghiệp công nghiệp tăng nhẹ so với năm 2020 là do các doanh nghiệp đã dần thích nghi với “tình hình mới”, ổn định sản xuất kinh doanh sau thời gian dài chịu ảnh hưởng tiêu cực của dịch bệnh Covid-19. Tuy nhiên, một số ngành vẫn thiếu nguyên vật liệu đầu vào để sản xuất hoặc sản xuất ra sản phẩm nhưng gặp khó khăn ở khâu tiêu thụ nên chưa sử dụng hết nguồn lao động để phục vụ sản xuất.

Một số ngành có chỉ số sử dụng lao động tại thời điểm cuối năm 2021 tăng so với cùng thời điểm năm trước như: ngành dệt (+15,3%); chế biến gỗ và sản xuất sản phẩm từ gỗ, tre, nứa (+4,8%); sản xuất giấy và sản phẩm từ giấy (+7%); sản xuất xe có động cơ (+17,7%); khai thác, xử lý và cung cấp nước (+5,9%),... Bên cạnh đó vẫn có một số ngành có chỉ số sử dụng lao động giảm như: khai khoáng khác (-0,8%); sản xuất đồ uống (-3%); sản xuất trang phục (-0,8%); sản xuất da và các sản phẩm có liên quan (-5,3%); sản xuất kim loại (-13,2%); công nghiệp chế biến, chế tạo khác (-21%).

8. Thương mại, dịch vụ

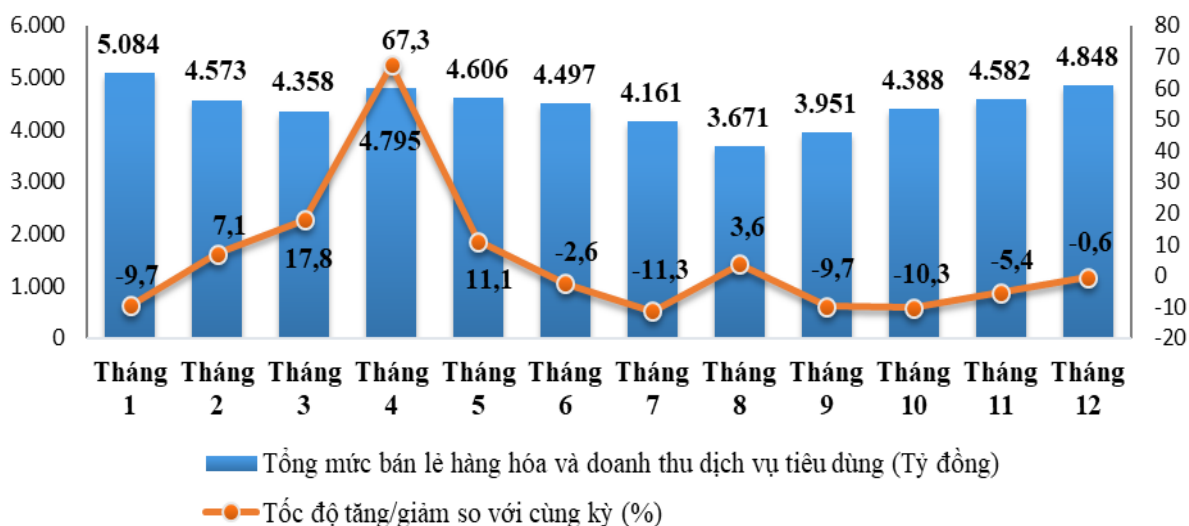
8.1. Tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ tiêu dùng

Hoạt động thương mại những tháng đầu năm 2021 có nhiều dấu hiệu khởi sắc, tình hình mua bán hàng hóa diễn ra thuận lợi, sức mua của người tiêu dùng tăng ổn định. Tuy nhiên từ tháng 5/2021, tình hình dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp trên cả nước, nhiều địa phương thực hiện giãn cách xã hội đã ảnh

hưởng nặng nề đến hoạt động thương mại, dịch vụ. UBND tỉnh đã chỉ đạo các cấp, các ngành, cộng đồng doanh nghiệp và người dân trong việc phòng chống dịch nhằm đảm bảo thực hiện mục tiêu kép “vừa phòng chống dịch, vừa phát triển kinh tế”, các hoạt động kinh doanh dịch vụ đang dần trở về trạng thái bình thường mới. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng ước tính cả năm 2021 tăng 2% so với năm trước.

Ước tính quý IV/2021, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng đạt 13,6 nghìn tỷ đồng, tăng 20,4% so với quý trước và giảm 5,2% so với cùng kỳ năm trước; trong đó doanh thu bán lẻ hàng hóa ước đạt 10,8 nghìn tỷ đồng (+12,8%; -7,8%); doanh thu dịch vụ lưu trú và ăn uống đạt gần 1,4 nghìn tỷ đồng (+57%; +4,4%); doanh thu dịch vụ lữ hành ước đạt trên 01 nghìn tỷ đồng (gấp 23 lần; -14,7%); doanh thu dịch vụ tiêu dùng khác đạt gần 1,4 nghìn tỷ đồng (+71%; +9,2%). Xét theo nhóm ngành hàng trong doanh thu bán lẻ hàng hóa, hầu hết các nhóm hàng đều giảm so với cùng kỳ năm trước: nhóm nhiên liệu khác trừ xăng dầu (-63%); đồ dùng, dụng cụ, trang thiết bị gia đình (-35%); xăng dầu các loại (-21%); hàng may mặc (-23%); ô tô các loại (-6,6%); lương thực, thực phẩm (-3,6%). Chỉ có 03 nhóm ngành hàng tăng so với cùng kỳ như: vật phẩm văn hóa, giáo dục (+23%); đá quý, kim loại quý và sản phẩm (+2,3%); hàng hóa khác (+2%).

**Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng
các tháng năm 2021**



Tính chung cả năm 2021, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng ước đạt trên 53,5 nghìn tỷ đồng, tăng 2% so với năm trước. Xét theo ngành hoạt động, doanh thu bán lẻ hàng hóa ước đạt gần 42,5 nghìn tỷ đồng, chiếm 79% tổng mức và tăng 3,2% so với năm trước, trong đó lương thực, thực phẩm (+4,9%); gỗ và vật liệu xây dựng (+45%); đá quý, kim loại quý và sản phẩm (+15,4%); hàng hóa khác (+5,9%); sửa chữa xe có động cơ, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác (+3,9%); hàng may mặc (-32%); đồ dùng, dụng cụ, trang

thiết bị gia đình (-32%); vật phẩm văn hóa, giáo dục (-27%); xăng, dầu các loại (-13,9%);... Doanh thu dịch vụ lưu trú và ăn uống ước đạt gần 6,5 nghìn tỷ đồng (-2,7%); doanh thu dịch vụ lẻ hành ước đạt gần 11 tỷ đồng (-81%); doanh thu dịch vụ tiêu dùng khác ước đạt gần 4,6 nghìn tỷ đồng (-0,4%).

Hoạt động du lịch chịu ảnh hưởng nặng nề nhất bởi dịch bệnh Covid-19, UBND tỉnh đã chỉ đạo các địa phương, đơn vị liên quan xây dựng phương án, giải pháp phát triển du lịch và kích cầu, khôi phục thị trường du lịch, nhất là thu hút khách quốc tế; phối hợp với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch xây dựng phương án và quy chế tổ chức thí điểm đón khách du lịch quốc tế đến Quảng Nam vào tháng 11/2021, bảo đảm an toàn phòng, chống dịch Covid-19. Tổng lượt khách lưu trú ước năm 2021 đạt hơn 476 nghìn lượt khách, giảm 52,8% so với năm 2020; trong đó lượt khách quốc tế ước đạt hơn 13 nghìn lượt khách, (-96,6%); lượt khách trong nước ước đạt hơn 463 nghìn lượt khách (-24,5%). Tổng lượt khách tham quan ước đạt gần 10 nghìn lượt khách, giảm 66,9% so với năm trước, tương ứng giảm gần 19,5 nghìn lượt khách.

Hoạt động các ngành dịch vụ tiêu dùng khác năm 2021 cũng chịu ảnh hưởng bởi dịch bệnh Covid-19 và có xu hướng giảm so với năm trước (-0,4%), giảm chủ yếu ở dịch vụ nghệ thuật, vui chơi và giải trí (-15,7%) do các dịch vụ không thiết yếu đã tạm ngừng hoạt động suốt một thời gian dài, dịch vụ kinh doanh bất động sản (-5,7%). Các nhóm dịch vụ còn lại tăng so với năm trước: giáo dục và đào tạo (+14,6%); hành chính và dịch vụ hỗ trợ trừ dịch vụ lẻ hành (+12,8%); sửa chữa máy vi tính, đồ dùng cá nhân và gia đình (+15,3%); y tế và hoạt động trợ giúp xã hội (+8,5%);...

8.2. Hoạt động vận tải, kho bãi

Hoạt động vận tải năm 2021 gặp nhiều khó khăn do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19, đặc biệt hoạt động vận tải hành khách. Nhờ kiểm soát tốt tình hình dịch bệnh, đồng thời các đơn vị kinh doanh vận tải đã cơ cấu lại phương án sản xuất kinh doanh, tìm ra các phương án tổ chức hoạt động phù hợp để cải thiện năng lực kinh doanh nhằm thích nghi với tình hình mới, hoạt động vận tải trong quý IV có những tín hiệu tích cực hơn với lượng hành khách vận chuyển tăng gần 52% và hàng hóa vận chuyển tăng 12,8% so với quý trước nhưng so với cùng kỳ năm trước vận chuyển hành khách vẫn giảm 53,8% và vận chuyển hàng hóa giảm 34,3%. Tính chung cả năm 2021, vận chuyển hành khách giảm 37,9% và vận chuyển hàng hóa tăng 4,8% so với năm trước.

Ước tính quý IV/2021, tổng doanh thu hoạt động vận tải, kho bãi và dịch vụ hỗ trợ ước đạt trên 741 tỷ đồng, tăng 9,3% so với quý trước và giảm 32,7% so với cùng kỳ năm trước, trong đó doanh thu vận tải hành khách ước đạt trên 41 tỷ đồng (+51,6%; -54%); doanh thu vận tải hàng hóa ước đạt trên 536 tỷ đồng (+8%; -34,9%); doanh thu hoạt động kho bãi và dịch vụ hỗ trợ vận tải ước đạt gần 164 tỷ đồng (+5,7%; -13%). Xét theo ngành vận tải, vận tải hành khách đạt 865,3 nghìn lượt khách, tăng 51,7% so với quý trước, giảm 53,8% so với cùng

kỳ năm trước và luân chuyển hành khách đạt gần 61 triệu lượt khách.km (+54,6%; -54,4%); vận tải hàng hóa đạt trên 2,4 triệu tấn (+12,8%; -34,3%) và luân chuyển hàng hóa đạt trên 272 triệu tấn.km (+38,9%; -34,5%).

Tính chung cả năm 2021, tổng doanh thu hoạt động vận tải, kho bãi và dịch vụ hỗ trợ ước đạt trên 3,6 nghìn tỷ đồng, giảm 14,5% so với năm trước, trong đó doanh thu vận tải hành khách ước đạt trên 265 tỷ đồng (-42%); doanh thu vận tải hàng hóa ước đạt gần 2,7 nghìn tỷ đồng (-10,8%); doanh thu hoạt động kho bãi và dịch vụ hỗ trợ vận tải ước đạt gần 657 tỷ đồng (-12,5%). Xét theo ngành vận tải, vận tải hành khách đạt trên 5,7 triệu lượt khách, giảm 37,9% so với năm trước và luân chuyển hành khách đạt gần 385 triệu lượt khách.km (-45,3%); vận tải hàng hóa đạt gần 12,8 triệu tấn (+4,8%) và luân chuyển hàng hóa đạt gần 1.377 triệu tấn.km (+1,2%).

9. Một số vấn đề xã hội

9.1. Dân số, lao động và việc làm

Dân số trung bình năm 2021 trên 1,5 triệu người, trong đó dân số nữ có trên 771 nghìn người (chiếm 50,8%); dân số khu vực thành thị trên 401 nghìn người (chiếm 26,4%). Dân số từ 15 tuổi trở lên thuộc lực lượng lao động hơn 910 nghìn người (chiếm 60%); dân số từ 15 tuổi trở lên đang làm việc hàng năm hơn 880 nghìn người, tăng 2,4% so với cùng kỳ năm trước.

Hiện nay nhu cầu tuyển dụng lao động trên địa bàn tỉnh khá lớn, toàn tỉnh có khoảng 13 nghìn lao động về quê tham gia vào lực lượng lao động của tỉnh; cùng với số lao động của tỉnh bị mất việc, số học sinh, sinh viên ra trường chưa có việc làm đã làm cho lực lượng lao động của tỉnh tăng mạnh. Để giải quyết việc làm cho người lao động, tỉnh đã chỉ đạo rà soát, đánh giá nhu cầu việc làm của người lao động về quê, đồng thời rà soát nhu cầu tuyển dụng của các doanh nghiệp trên địa bàn. Tính đến quý IV/2021, toàn tỉnh có 880,3 nghìn người có việc làm, trong đó: khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản có 323,9 nghìn lao động chiếm 36,8%, giảm 0,2 điểm %; khu vực công nghiệp - xây dựng có 292,3 nghìn lao động chiếm 33,2%, tăng 0,3 điểm % và khu vực dịch vụ có 264,1 nghìn lao động chiếm 30%, giảm 0,1 điểm % so với quý III/2021, lao động giảm này chủ yếu ở nhóm ngành dịch vụ du lịch, lưu trú, giải trí.

Công tác đào tạo nghề và giải quyết việc làm được các cấp chính quyền, các đơn vị trên địa bàn tỉnh quan tâm chỉ đạo kịp thời. Thực hiện việc sáp nhập các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập theo Quyết định số 359/QĐ-LĐTBXH ngày 24/3/2021 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, thành lập và xây dựng Trường Cao đẳng Quảng Nam theo hướng tự chủ, hiệu quả. Triển khai thực hiện chính sách đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ kỹ năng nghề cho người lao động gặp khó khăn do đại dịch Covid-19 theo Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 01/7/2021 của Chính phủ và Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ người lao

động và người sử dụng LĐ gặp khó khăn do đại dịch Covid-19.

9.2. An sinh xã hội

**** Công tác đền ơn đáp nghĩa:***

Thực hiện trợ cấp, thăm hỏi đối tượng chính sách người có công nhân dịp Tết Nguyên đán Tân Sửu 2021, chuyển kinh phí tặng quà của Chủ tịch nước đến các địa phương để trao cho 83.297 đối tượng người có công với tổng số tiền trên 25,7 tỷ đồng. Tỉnh trợ cấp và tặng quà với tổng số kinh phí là 49,6 tỷ đồng cho 100.179 người.

Toàn tỉnh hiện có 15.315 Bà mẹ Việt Nam Anh hùng, hiện còn sống 480 Mẹ, tất cả các Mẹ còn sống đều đã được các cơ quan đơn vị trong và ngoài tỉnh nhận phụng dưỡng, mức phụng dưỡng bình quân hơn 800.000 đồng/Mẹ/tháng. Tổ chức thành công buổi gặp mặt gia đình liệt sỹ, Mẹ Việt Nam Anh hùng nhân kỷ niệm 46 năm ngày giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.

**** Công tác giảm nghèo:***

Tiếp tục triển khai thực hiện tốt các chương trình, chính sách về giảm nghèo của Trung ương và của tỉnh. Các chương trình, chính sách giảm nghèo, chính sách khuyến khích thoát nghèo bền vững theo Nghị quyết số 06-NQ/TU ngày 04/5/2021 của Tỉnh ủy về tiếp tục đẩy mạnh công tác giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2025. Kết quả sơ bộ rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều giai đoạn 2016-2020, số hộ nghèo trên địa bàn tỉnh là 19.279 hộ, tỷ lệ 4,45%, tương ứng với mức giảm 3.089 hộ/2.000 chỉ tiêu giao, đạt và vượt kế hoạch.

Thực hiện cấp miễn phí 42,7 nghìn thẻ bảo hiểm y tế (BHYT) cho người nghèo, kinh phí 28,5 tỷ đồng; hơn 108,5 nghìn người dân tộc thiểu số, người dân sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, vùng khó khăn, xã đảo, huyện đảo, kinh phí 86,8 tỷ đồng; hỗ trợ đóng BHYT cho gần 10,2 nghìn người cận nghèo, kinh phí 4,27 tỷ đồng; cấp 25,7 nghìn thẻ BHYT cho đối tượng thoát nghèo, thoát cận nghèo, kinh phí 15,2 tỷ đồng.

**** Công tác bảo trợ xã hội:***

Thực hiện chăm lo các đối tượng bảo trợ xã hội (BTXH), tình hình đời sống nhân dân dịp Tết Nguyên đán Tân Sửu 2021 với tổng kinh phí hỗ trợ thăm, tặng quà các đối tượng bảo trợ xã hội gần 5,7 tỷ đồng và 975 tấn gạo; trợ cấp tại cộng đồng cho 105.098 đối tượng BTXH và 15.224 cá nhân, hộ gia đình nhân nuôi dưỡng chăm sóc đối tượng BTXH tại cộng đồng, với tổng kinh phí chi trả khoảng 650 tỷ đồng. Tổ chức thăm, chúc tết, tặng quà nhân dân các xã biên giới, các xã vùng cao, xã bị ảnh hưởng nặng do thiên tai, bão lũ tại một số địa phương: Nam Trà My, Bắc Trà My, Nam Giang, Đông Giang, Tây Giang, Phước Sơn và Nông Sơn.

Tổ chức vận động thu quỹ Bảo trợ trẻ em tỉnh được hơn 4,2 tỷ đồng, đạt 105,4% kế hoạch năm. Đã tổ chức nhiều chương trình, hoạt động có ý nghĩa như tổ chức thăm hỏi, tặng quà cho trẻ em có hoàn cảnh khó khăn nhân dịp Tết Nguyên đán; ngày Quốc tế thiếu nhi 01/6; tháng hành động vì trẻ em, trao, tặng xe đạp cho trẻ em có hoàn cảnh khó khăn, khám sàng lọc trẻ em bị khiếm thính; khám sàng lọc và phẫu thuật tim cho trẻ em mắc bệnh tim bẩm sinh, trao học bổng cho trẻ em có hoàn cảnh khó khăn trên địa bàn tỉnh...

9.3 Giáo dục

Ngành giáo dục tỉnh đã hoàn thành kế hoạch năm học 2020-2021 theo đúng khung thời gian năm học và tổ chức khai giảng năm học đảm bảo công tác phòng, chống dịch Covid-19. Hiện nay, toàn tỉnh có 798 trường, giảm 06 trường so với cuối năm học 2020-2021, trong đó: 287 trường mầm non và mẫu giáo, 234 trường tiểu học, 216 trường trung học cơ sở, 61 trường trung học phổ thông với 362.748 học sinh. Toàn tỉnh có 01 trung tâm Giáo dục thường xuyên, 22 trung tâm học tập cộng đồng, 99 trung tâm tin học - ngoại ngữ; 05 trung tâm tư vấn du học; 16 trung tâm giáo dục ngoài giờ chính khóa. Năm học này, thành lập mới Trường THPT Võ Nguyên Giáp (huyện Phú Ninh).

Chất lượng giáo dục được nâng lên, thể hiện qua kết quả đại trà và qua kết quả các kỳ thi học sinh giỏi và một số kỳ thi cấp quốc gia: kỳ thi học sinh giỏi quốc gia năm học 2020 - 2021, đạt được 32 giải, tỷ lệ 53,3% (01 giải nhất, 08 giải nhì, 08 giải ba và 15 giải khuyến khích), đứng vị thứ 18/63 tỉnh, thành phố trên cả nước, đứng thứ nhì trong 11 tỉnh miền Trung Tây Nguyên. Cuộc thi nghiên cứu khoa học kỹ thuật dành cho học sinh trung học, năm học 2020 - 2021 cấp quốc gia, có 02 dự án tham gia dự thi, đều đạt giải nhì. Kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2021 được tổ chức rất thành công trong bối cảnh dịch Covid-19 diễn biến phức tạp. Kết quả, có 15.742/16.178 thí sinh đỗ tốt nghiệp, tỷ lệ: 97,3% (năm 2020: 15.441/15.738, tỷ lệ: 98,1%).

Tổ chức thành công các kỳ thi, hội thi: hội khỏe Phù Đổng tỉnh Quảng Nam lần thứ IX năm học 2020-2021; kỳ thi tuyển viên chức giáo viên tỉnh Quảng Nam năm 2020 (tuyển chọn được 1.200 giáo viên các cấp); tổ chức xét tuyển được 08 viên chức giáo viên THPT công lập theo Nghị định 140/2017/NĐ-CP. Kỳ thi tuyển viên chức giáo dục và đào tạo năm 2021 được tổ chức trong điều kiện dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp. Tuy nhiên, kỳ thi diễn ra an toàn, nghiêm túc, đúng quy chế, đảm bảo quy định về phòng chống dịch bệnh.

9.4. Văn hóa, thể dục, thể thao

Từ đầu năm đến nay, hoạt động văn hóa chủ yếu tập trung tổ chức thành công các sự kiện lớn như: tuyên truyền trước, trong và sau Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng; cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu

Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026; kỷ niệm 75 năm Ngày Tổng tuyển cử đầu tiên bầu Quốc hội Việt Nam (06/01/1946 - 06/01/2021); kỷ niệm 91 năm Ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam và đón tết Nguyên đán Tân Sửu 2021; kỷ niệm 91 năm Ngày thành lập Đảng bộ tỉnh Quảng Nam (28/3/1930 - 28/3/2021) gắn với kỷ niệm 46 năm Ngày giải phóng quê hương Quảng Nam (24/3/1975 - 24/3/2021); Giỗ Tổ Hùng Vương (mùng 10 tháng 3 âm lịch); kỷ niệm 46 năm Ngày Giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước (30/4/1975 - 30/4/2021) và Ngày Quốc tế lao động 01/5; 131 năm ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh 19/5; 67 năm chiến thắng Điện Biên Phủ và kỷ niệm 550 năm Danh xưng Quảng Nam (1471 - 2021), kỷ niệm 109 năm Ngày sinh đồng chí Võ Chí Công; kỷ niệm 76 năm Ngày Cách mạng tháng 8 thành công và Ngày Quốc Khánh (02/9); kỷ niệm 110 năm Ngày sinh Đại tướng Võ Nguyên Giáp... Hội thảo Khoa học quốc gia “Quảng Nam - 550 năm hình thành và phát triển”; Hội thảo Khởi nghiệp du lịch – Chủ đề: Du lịch sáng tạo trên nền tảng giá trị bản địa; Hội nghị trực tuyến đánh giá tác động của đại dịch Covid-19 đối với ngành du lịch, bàn giải pháp mở cửa đón khách du lịch nội địa và quốc tế đến Quảng Nam.

Hoạt động thể dục thể thao quần chúng và thể thao thành tích cao trong năm 2021 tiếp tục được duy trì. Tổ chức thành công giải vô địch các câu lạc bộ (CLB) Taekwondo toàn quốc, giải vô địch Quần vợt các CLB mở rộng tỉnh năm 2021, giải vô địch Cờ tướng, giải bóng chuyền nữ. Triển khai thực hiện Chương trình bơi an toàn, phòng chống đuối nước trẻ em năm 2021, phát động toàn dân tập luyện môn bơi phòng, chống đuối nước đạt hiệu quả cao; tổ chức Hội nghị chuyên đề triển khai công tác tổ chức Đại hội thể dục thể thao cấp xã, cấp huyện, khối ngành; tổ chức Ngày chạy Olympic vì sức khỏe toàn dân cấp tỉnh năm 2021 và gặp mặt nhân kỷ niệm 75 năm Ngày truyền thống Ngành Thể dục thể thao Việt Nam (27/3/1946 - 27/3/2021).

9.5. Bảo hiểm xã hội, y tế, phòng chống dịch bệnh

*** Bảo hiểm xã hội:**

Đến cuối tháng 12 năm 2021, tổng số người tham gia bảo hiểm xã hội (BHXH) đạt gần 205,6 nghìn người, tăng 0,4% so với tháng trước, trong đó BHXH bắt buộc đạt trên 183 nghìn người, BHXH tự nguyện đạt 22,5 nghìn người; số người tham gia bảo hiểm thất nghiệp (BHTN) đạt trên 169 nghìn người, tăng 0,4% so với tháng trước; số người tham gia bảo hiểm y tế đạt trên 1.435,9 nghìn người, tỷ lệ bao phủ ước đạt 94,5% dân số toàn tỉnh. Tổng số tiền thu BHXH, BHYT, BHTN ước đạt trên 453 tỷ đồng, lũy kế từ đầu năm đạt trên 4.445 tỷ đồng, tăng 3,9% so với cùng kỳ năm trước.

Số người hưởng các chế độ BHXH hàng tháng đạt gần 34,7 nghìn người, trong đó: lương hưu đạt trên 29,9 nghìn người; số người hưởng trợ cấp một lần

đạt gần 12,9 nghìn người (lũy kế 172,2 nghìn người). Trong tháng, số lượt người hưởng trợ cấp ốm đau, thai sản, dưỡng sức đạt gần 11 nghìn lượt (lũy kế 148,4 nghìn lượt); số người hưởng trợ cấp thất nghiệp đạt gần 1 nghìn người (lũy kế 13,7 nghìn người). Tổng số tiền ước tính chi trong tháng đạt trên 397 tỷ đồng, lũy kế từ đầu năm đạt trên 4.847 tỷ đồng. Trong tháng 12/2021, tổng số lượt khám chữa bệnh BHYT 268,7 nghìn lượt, giảm 24,3% so với cùng kỳ năm trước, lũy kế từ đầu năm 3.080,4 nghìn lượt; tổng chi phí khám chữa bệnh BHYT ước tính hơn 131.5 tỷ đồng, lũy kế từ đầu năm đạt trên 1.411 tỷ đồng.

*** Công tác y tế, phòng chống dịch bệnh:**

Tình hình dịch trên địa bàn bùng phát mạnh hơn, nhanh hơn, khó kiểm soát hơn với nhiều ca nhiễm cộng đồng trong quý III và quý IV năm 2021; ngành Y tế đã thực hiện nhiều biện pháp để hạn chế tối đa lây lan, tập trung nhiều nguồn lực từ các cấp chính quyền, tổ chức chính trị - xã hội đẩy mạnh công tác tuyên truyền cũng như việc tiêm chủng vắc xin Covid-19. Tính chung thời gian bùng phát dịch bệnh Covid-19 (từ ngày 29/4/2021 đến ngày 18/12/2021): đã thực hiện 566.609 mẫu xét nghiệm, trong đó có 4.563 mẫu dương tính, 562.046 mẫu âm tính. Cách ly y tế tại cơ sở cách ly tập trung 62.371 người, cách ly tại cơ sở y tế 5.482 người, cách ly tại nhà 119.306 người.

Tình hình tiêm chủng Covid-19 trên địa bàn tỉnh tính đến ngày 18/12/2021: ít nhất 1 mũi 1.065.731 người tiêm, đạt tỷ lệ 95,4% số người cần tiêm (trong đó: 1.025.515 người được tiêm tại tỉnh Quảng Nam và 40.216 người được tiêm ở địa phương khác). Tiêm đủ 2 mũi: 817.105 người, đạt tỷ lệ: 73,1% số người cần tiêm; mũi 3: 20.781 mũi vắc xin Abdala. Kết quả tiêm cho trẻ em từ 12 - 17 tuổi: 40.020 mũi 1.

Theo báo cáo của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật, tính từ đầu năm đến nay, toàn tỉnh phát hiện 894 trường hợp mắc bệnh sốt xuất huyết Dengue; 601 trường hợp mắc bệnh tay - chân - miệng; 369 trường hợp bệnh lao phổi; 649 trường hợp mắc bệnh thủy đậu; 5.236 trường hợp mắc bệnh tiêu chảy; 156 trường hợp mắc bệnh quai bị; 205 trường hợp mắc bệnh lỵ trực trùng.

9.6. An toàn giao thông

Theo số liệu của Phòng Cảnh sát Giao thông tỉnh Quảng Nam, trong tháng 12/2021 (từ ngày 15/11 - 14/12), trên địa bàn tỉnh xảy ra 16 vụ tai nạn giao thông đường bộ, làm chết 11 người, bị thương 10 người; so với tháng trước số vụ tai nạn giao thông đường bộ giảm 1 vụ, số người chết tăng 4 người, số người bị thương giảm 11 người. Tai nạn đường sắt và đường thủy nội địa không xảy ra. Như vậy, tính đến 14/12/2021 (từ ngày 15/12/2020 - 14/12/2021) trên địa bàn tỉnh đã xảy ra 172 vụ tai nạn giao thông, làm chết 120 người, bị thương 125 người (trong đó: 01 vụ tai nạn giao thông đường sắt, 01 người chết).

9.7. Tình hình xử lý môi trường, cháy nổ, thiên tai

Theo số liệu Phòng Cảnh sát Phòng cháy và Chữa cháy tỉnh Quảng Nam, trong tháng 12/2021, trên địa bàn tỉnh xảy ra 03 vụ cháy gồm 01 vụ cháy phương tiện giao thông ở huyện Quế Sơn 01 vụ cháy cửa hàng ở thành phố Tam Kỳ và 01 vụ cháy cơ sở sản xuất ở huyện Núi Thành, không có người chết và người bị thương; giá trị thiệt hại ước tính 13,5 triệu đồng. Tính từ đầu năm đến nay, toàn tỉnh đã xử lý 85 vụ cháy và 01 vụ nổ, làm chết 4 người, không có người bị thương. Ước tổng mức thiệt hại trên 8,8 tỷ đồng và 312,58 ha rừng.

Theo số liệu phòng cảnh sát Môi trường tỉnh Quảng Nam, trong tháng 12 đã phát hiện mới và lập biên bản xử phạt 01 vụ vi phạm pháp luật về hành vi kinh doanh hàng hóa nhập lậu với tổng số tiền xử phạt 13,3 triệu đồng (giảm 4 vụ so với tháng trước và giảm 1 vụ so với cùng kỳ năm trước). Như vậy tính từ đầu năm đến nay, toàn tỉnh đã phát hiện 91 trường hợp vi phạm (tăng 1 vụ so với tháng trước và giảm 19 vụ so với năm trước); lập biên bản, xử phạt vi phạm hành chính 72 trường hợp với tổng số tiền xử phạt trên 1,5 tỷ đồng.

10. Một số giải pháp phát triển kinh tế - xã hội năm 2022

Nhìn chung, tình hình phát triển kinh tế - xã hội năm 2021 trên địa bàn tỉnh Quảng Nam tiếp đà phục hồi sau thời gian dài chịu ảnh hưởng dịch bệnh Covid-19. Đáng chú ý khu vực công nghiệp, đặc biệt ngành công nghiệp chế biến, chế tạo phục hồi khá nhanh; khu vực nông lâm thủy sản tăng trưởng ổn định; khu vực xây dựng tuy có mức tăng trưởng dương, nhưng so với thời điểm trước khi xảy ra dịch bệnh Covid-19 vẫn còn giảm; khu vực dịch vụ chịu ảnh hưởng nặng nề nhất bởi dịch bệnh Covid-19 đang có dấu hiệu phục hồi, xu hướng này tiếp tục diễn biến tốt hơn, tạo đà khôi phục mạnh trong năm 2022.

Để tiếp tục thực hiện và hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2022, trong thời gian tới cần tập trung thực hiện có hiệu quả các giải pháp sau:

(1) Tổ chức thực hiện tốt Nghị quyết số 128-NQ/CP ngày 11/10/2021 của Chính phủ, Quyết định số 3176/QĐ-UBND ngày 02/11/2021 của UBND tỉnh về Quy định tạm thời một số biện pháp thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch Covid-19 theo từng cấp độ dịch. Thực hiện nghiêm chiến lược 5K, đặt sức khỏe, tính mạng của người dân lên trên hết. Triển khai tốt chiến dịch tiêm vắc xin phòng Covid-19 đảm bảo an toàn, hiệu quả.

(2) Xây dựng và thực hiện tốt Chương trình phục hồi kinh tế, đẩy mạnh chuyển đổi mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế; nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, tính tự chủ, khả năng thích ứng, sức cạnh tranh, phát triển kinh tế - xã hội nhanh, bền vững.

(3) Tập trung nguồn lực đầu tư phát triển và hoàn thiện hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ, hiện đại bảo đảm liên thông, kết nối liên vùng và phát triển đô thị; đề xuất ngân sách Trung ương hỗ trợ cùng với kêu gọi, thu hút các tổ chức, cá nhân tham gia theo hình thức xã hội hóa để đầu tư xây dựng các dự án có tính liên kết cao như: quốc lộ 14G, 14D, 14B,... tạo kết nối liên

vùng. Sử dụng ngân sách tỉnh làm cơ sở dẫn dắt kinh tế tư nhân bằng trục Đông Tây, Bắc Nam.

(4) Đầu tư, phát triển các khu du lịch tập trung ven biển theo hình thức khu du lịch, dịch vụ, vui chơi, nghỉ dưỡng cao cấp với các sản phẩm đặc thù để hình thành chuỗi du lịch, dịch vụ cao cấp ven biển từ Thăng Bình đến Núi Thành, dọc theo sông Trường Giang và tuyến đường Võ Chí Công; kết hợp phát triển du lịch cộng đồng phát huy làng nghề truyền thống, du lịch sinh thái đồng quê,...

(5) Phục hồi và phát triển ngành du lịch, dịch vụ thích ứng an toàn với dịch bệnh Covid-19. Đẩy mạnh liên kết vùng, liên kết hàng không, du lịch; tiếp tục nghiên cứu ban hành chính sách kích cầu du lịch. Tập trung triển khai Phương án đón khách quốc tế đến Quảng Nam đảm bảo an toàn, hiệu quả và kế hoạch đón khách du lịch nội địa./.

Nơi nhận:

- Vụ TK Tổng hợp & PBTTHK (b/c);
- VPTU, VP UBND, Đoàn ĐBQH, Sở KH&ĐT, NHNN, STC;
- Lãnh đạo Cục;
- Lưu: VT, TKTH.

CỤC TRƯỞNG

(đã ký)

Lê Quý Đạt